

Bản án số: **52** /2022/DS-ST  
Ngày: 18/8/2022  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH Đ, TỈNH BẾN TR**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Lê Minh Chiến.

Ông: Bùi Tuấn Khanh.

**- Thư ký phiên Tòa:** Ông Võ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đ tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện nh Đ, tỉnh Bến Tr xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2022/TLST – DS ngày 22 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “*Hợp đồng hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: ấp VĐ, xã VQT, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr.

Bà Đ ủy quyền cho: Lê Minh T, sinh năm 1995; cư trú: Số 30/1; ấp Quí Đ A, xã Quới Đ, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tr theo Giấy ủy quyền ngày 24/12/2021. Ông T có mặt.

**- Bị đơn:**

1/ Ông **Trần Công Đ1**, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

2/ Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: ấp VĐ, xã VQT, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2021 cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*

Do có mối quan hệ gia đình nên bà Đ cho vợ chồng bà Trần Thị H, ông Trần Công Đ1 vay số tiền là 600.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn vay là 2 tháng, mục đích vay tiền là trả nợ cá nhân. Khi vay tiền thì vợ chồng ông Đ1 và bà H có viết giấy nhận nợ ngày 14/4/2020. Đến thời hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông Đ1, bà H không trả nợ nên bà Đ yêu cầu ông Đ1, bà H phải trả số tiền đã vay là 600.000.000 đồng, không tính lãi suất.

*Chứng cứ nguyên đơn dùng làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện là: Giấy mượn tiền ngày 24/4/2020.*

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2022, ngày 15/7/2022 ông Nguyễn Công Đ1, bà Nguyễn Thị H khai như sau:*

Theo Giấy nhận nợ ngày 24/4/2020 vợ chồng ông, bà thừa nhận có vay của bà Đ số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng, hiện nay còn nợ.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà Đ vợ chồng ông, bà đồng ý trả số nợ 600.000.000 đồng cho bà Đ.

*\* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Định, tỉnh Bình Định tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

*- Về tuân theo pháp luật tố tụng:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo các nguyên tắc do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

*- Về nội dung vụ án:*

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền đã vay còn nợ 600.000.000 đồng, chứng cứ nguyên đơn dùng làm căn cứ cho việc khởi kiện là: Giấy mượn tiền ngày 24/4/2020 và giấy mượn tiền này có chữ ký tên xác nhận của bị đơn và tại các biên bản lấy lời khai bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền như nguyên đơn đã khởi kiện. Do đó, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật TTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

**Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà Phạm Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông Trần Công Đ1 và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền vay còn thiếu. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này Đ1 xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và **khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Nguyễn Thị H, ông Trần Công Đ1 có nơi cư trú ấp VĐ, xã VQT, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đ.

[3] Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Công Đ1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

**Về nội dung vụ án:**

[4] Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Trần Công Đ1 và bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ vốn vay còn thiếu là 600.000.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện là “*giấy mượn tiền ngày 24/04/2020*” do ông Đ1, bà H tự viết, tự ký tên xác nhận.

Ông Trần Công Đ1, bà Nguyễn Thị H thừa nhận còn nợ số tiền theo giấy mượn tiền ngày 24/4/2020 mà bà Đ đã cung cấp. Do đó, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật TTDS.

Do vậy, bà Đ khởi kiện đòi vợ chồng bà H và ông Đ1 phải trả số tiền vốn vay còn thiếu 600.000.000 đồng là có căn cứ nên Đ1 Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] **Xét thấy:** Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ nên Đ1 Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Căn cứ **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đ1 chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định, số tiền án phí Đ1 tính như sau:

$600.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 30.000.000 \text{ đồng}$

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Buộc vợ chồng ông Trần Công Đ1 và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Đ tổng số tiền vay còn thiếu là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người Đ1 thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người Đ1 thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trần Công Đ1 và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu là 30.000.000 đồng (ba chục triệu đồng).

*Trường hợp bản án Đ1 thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người Đ1 thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ1 thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận Đ1 bản án hoặc bản án Đ1 tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tr (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Loan**